

TRẦN THÁI TÔNG TUỔI TRẺ VÀ CHÍ NGUYỆN HỌC ĐẠO

Nguyễn Lang

(Chương X, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, tập I)

(tiếp theo kỳ trước)

NHU YẾU TÌNH THỨC

Toàn bộ sáng tác của Thái Tông mang tính chất nhu yếu của một tâm hồn muốn luôn luôn tự đánh thức mình dậy trong cuộc đời, không để rơi và tình trạng sống say chết mộng. Có người nói những hình ảnh sinh, lão, bệnh, tử, vô thường, vô ngã và bất tịnh mà Thái Tông đưa ra trong các tác phẩm Tứ Sơn, Phổ Thuyết Sắc Thân và Phổ Khuyết Phát Bồ Đề Tâm chứng tỏ ông có một thái độ bi quan, yếm thế đối với cuộc đời. Điều này không đúng. Khi ta nhìn vào cuộc đời Thái Tông ta thấy vua không bi quan, yếm thế; trái lại vua rất tích cực trong việc dựng nước trị dân và nắm lấy chủ quyền hành động trong tay khi đã đến tuổi trưởng thành. Khi ta đọc những tác phẩm của vua, ta cũng thấy một niềm thao thức muốn thực hiện một cái gì có giá trị vĩnh cửu; đó là sự ngộ đạo. Vua không phải là một người tâm thường chỉ muốn hưởng thụ những lạc thú cuộc đời, những lạc thú có thể nắm trong tầm tay của một người như vua. Trái lại, vua muốn vươn tới, và tự nhủ đừng tự đánh mất mình trong những thế giới hình sắc, thanh âm, hương vị, và cảm xúc của hưởng thụ. Bốn bài kệ Tứ Sơn là một sự thức tỉnh thực sự về tính cách vô thường của một đời người. Tứ sơn là bốn ngọn núi sinh, lão, bệnh và tử, tức là bốn cửa ải của đời người. Đánh mất một đời người trong lãng quên và trong thanh sắc để rồi cuộc không còn cơ hội tìm ra nguồn cội quê hương mình là một điều đáng tiếc. Vua viết trong bài kệ thứ nhất.

*Lưỡi vướng vị ngon, tai vướng tiếng
Mắt theo hình sắc, mũi theo hương
Lênh đên làm khách phong trần mãi
Ngày hết, quê xa vạn dặm đường[3].*

Một đời người qua suông như thế thật là uổng phí. Hình ảnh mà Thái Tông dùng để diễn tả sự chấm dứt của một cuộc đời lãng phí là một hình ảnh kỳ tuyệt có giá trị đánh thức rất thần diệu. Đó là hình ảnh trăng khuya lặn trên một dòng sông yên tĩnh sau một trận bão tố khủng khiếp, trong đó tác giả thấy một ngư ông say khướt để thuyền tự do vượt sóng qua sông:

*Một trận cuồng phong dậy đất bằng
Ngư ông say khướt thả thuyền ngang
Bốn phương mây kéo màu đen kịt
Một giải sông reo sóng dậy tràn
Sầm sập tóe tung mưa xối xả
Ỗ ầm chuyển vận sấm oang vang
Phút giây bụi cuốn chân trời tạnh.
Canh vắng, dòng sông bóng nguyệt tàn [4].*

Hiện tại, trong cảnh đêm khuya trăng lặn bên dòng sông, hình ảnh ngư ông say khướt với chiếc thuyền trôi trong giông tố mà ta thấy trước đó mấy phút hình như đã là một ảo ảnh: tất cả sẽ tan biến, chỉ còn lại dòng sông và bóng nguyệt. Về cái chết, Thái Tông viết trong bài Phổ Thuyết Sắc Thân: "Khi xưa tóc mượt má hồng, ngay nay tro xanh xương trắng. Khi mưa lệ tưới mây ảm đạm, lúc gió sầu lay nguyệt mờ màng. Canh tàn thì quý khóc

thần sâu, năm muện thì trâu dày ngựa đạp. Đom đóm lập lòe trong cỏ biếc, côn trùng rền rĩ ngọn đương trời. Bia đá một nửa phủ rêu xanh, tiểu mục đạp ngang thành lối tắt...”

Về tính cách bất tịnh và vô thường của thân người, Thái Tông viết trong Phổ Khuyến Phát Bồ Đề Tâm: “*Công danh cái thế, chẳng qua một giấc mộng dài; phú quý kinh người, khó tránh ‘vô thường’ hai chữ. Tranh nhân chấp ngã, rốt cuộc là không; khoe giỏi khoe hay rốt cùng chẳng thực. Tú đại rã rời thô già trẻ; núi khe mòn mỏi hết anh hùng. Tóc xanh chưa thấy mà màu bạc đã pha. Kẻ mừng mới đi mà người điếu đã tới. Một bao máu mủ, bao năm khổ luyện ân tình; bảy thước xương khô, mặc sức tham xan tiền của. Thở ra không hen thở vào; ngày nay không tin ngày kể. Trôi nổi sông yêu giờ nào nghỉ, nấu ung nhà cháy biết bao thôi?”*

Tinh thần thao thức cảnh giác này bằng bạc trong suốt nghi thức *Lục Thì Sám Hồi Khoa Nghi* vốn là một phương tiện cảnh tỉnh tâm hồn, không hơn không kém. Sự cảnh tỉnh này được thực hiện trong mọi mặt (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý) và vào mọi lúc trong ngày (tang tảng sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi nhá nhem, buổi tối, buổi quá nửa đêm).

NHU YẾU TINH CHUYÊN

Tự nhắc nhở về tính chất vô thường, bất tịnh và hư giả của cuộc đời không phải là để buồn nản buông xuôi mà là để đốc lòng tinh chuyên thực hiện sự đạt ngộ. *Lục Thì Sám Hồi Khoa Nghi* đã được vua chế ngự để thực hành sám hối một ngày sáu lần, có lẽ trong những ngày ít bận rộn việc triều chính và có lẽ ở chùa Phổ Minh hay Chân Giáo. Khoa Nghi chia làm sáu phần, để thực hành sáu lần trong ngày. Mỗi lần lâu vào khoảng 20 phút. Nghi thức gây tác động cảnh giác rất cao và rất tha thiết: sám hối ở đây không phải là xin tội với Phật mà là gạn lọc tinh thức tự tâm. Vào thế kỷ thứ sáu vua Lương Vũ Đế bên Tàu cũng có ngự chế một nghi thức sám hối tên là *Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp*, mười cuốn, nhưng là để nhờ các vị tăng sám hối cho bà hoàng hậu đã vì sân si mà nhảy xuống giếng chết để sau này trở thành một con độc long. Nghi thức này được gọi là *Lương Hoàng Sám*, người ta nói rằng sau khi các vị tăng sám hối xong thì hoàng hậu được siêu thăng về và báo mộng cho vua hay. Trong trường hợp Thái Tông, Vua không ngự chế sám pháp để xin tội cho ai khác. Chắc hẳn những hành động của Trần Thủ Độ như ép Lý Huệ Tông tự tử, giết tôn thất nhà Lý, giết hết binh sĩ theo Trần Liễu làm loạn sông Cái, ép vua lấy chị dâu có mang... đã đè nặng trên tâm tư của Thái Tông, và những khổ đau này có dự phần vào động cơ sáng tác sám pháp. Nhưng các tội lỗi trên, Thái Tông không nghĩ là của riêng Trần Thủ Độ mà là tội lỗi của gia đình và dòng họ, là tội lỗi của chính mình. Tuy vậy, suốt sáu nghi thức sám hối ta thấy nhu cầu sám pháp thì ít mà nhu yếu thức tỉnh và tinh chuyên thì nhiều. Sám pháp ở đây được thực dụng như một phương tiện yểm trợ thiền định, gạn lọc nội tâm, tạo nên trạng thái thao thức của sự cảnh giác.

Mỗi nghi thức bắt đầu bằng một bài kệ cảnh giác, rồi đến lễ dâng hương, một bài kệ dâng hương, một bài kệ dâng hoa, một bài trần bạch có tác dụng cảnh sách, một lời sám hối, một bài kệ khuyến tỉnh, một bài kệ tùy hỷ, một bài kệ hồi hướng, một bài kệ phát nguyện, và cuối cùng là một bài vô thường. Văn cú rất diễm lệ, hình ảnh rất phong phú, tư tưởng rất sâu sắc. Sáu nghi thức là sáu hòn bích ngọc. *Lục Thì Sám Hồi Khoa Nghi* của Trần Thái Tông là một sám pháp gọn gàng, thực tiễn và đẹp đẽ, so với nghi thức *Từ Bi Thủy Sám* đã không thể thua mà còn có thể đẹp đẽ hơn và thực dụng hơn. Không biết tại sao ở các thiền đường xứ ta sám pháp các vua Trần Thái Tông lại được ít người sử dụng trong khi các sám pháp *Lương Hoàng*, *Dược Sư*, *Thủy Sám* lại rất phổ thông. Ta hãy đọc một đoạn về nghi thức buổi sáng để thấy giá trị tư tưởng và văn chương của *Lục Thì Sám Hồi Khoa Nghi*:

Bài kệ cảnh sách giờ Dần

Ánh dương vừa mới hé

Mặt đất tối rạng dần

Ý xôn xao trở dậy

Hình tranh nhau phân vân

Đừng ôm xác chết nữa

*Ngửng đầu lên thiên chân:
Siêng năng trong sáu niệm
Mới kể ngộ cơ thần.*

Lễ chúc hương buổi sớm

"Phục dĩ: bóng tỏ về Tây, vàng ô đã rạng: nơi chiếu Phạn, hợp muôn dòng Thanh Tịnh; trên cõi Không, lễ các bậc Thánh Hiền. Muốn gửi tin bằng gỗ chiên đàn; phải kính đốt xông loài hương báu. Hương này, trông từ rừng Giới Luật, tưới bằng nước Thiên Na; chặt trong vườn Trí Tuệ, đẽo bằng đao Giải Thoát. Hương không dùng rìu búa sức người mà hình thể từ nhiên nhiên tự kết. Đốt nén bảo hương Tri Kiến; kết thành đài mây Quang Minh. Lúc hương xông khắp chốn thơm tho; nơi khói tỏa đầy trời ngào ngạt. Nay nhân buổi sớm, đốt hương cúng dường."

Bài kệ dâng hương

*Ngào ngạt trầm hương rừng chính định
Chiên đàn vườn tuệ đã vun trồng
Giới đao đẽo gọt nên hình núi
Đốt tại lò Tâm để hiến dâng.*

Bài kệ dâng hoa

*Hoa nở sáng ngời trên đất tâm
Hoa tiên rải xuống chẳng thơm bằng
Hái dâng từng đóa lên chư Phật
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rung.*

Tính cách cảnh giác và khích lệ hành động trong khoa nghi *Lục Thì Sáu Hồi* cũng thấy trong các bài Tứ Sơn, Phổ Thuyết Sắc Thân và Phổ Khuyến Phát Bồ Đề Tâm. Trong bài Phổ Thuyết Sắc Thân, Thái Tông nói đến cơ hội quý báu của người được mang thân người đầy đủ sáu căn, được sinh nơi có văn hóa, và khuyên nên tinh tiến hành đạo: *"Nếu đã là con mắt sáng, kíp nên phản tỉnh hồi quang; cất mình vượt khỏi hố sinh tử, giang tay xé toạc lưới ái ân; nam cũng vậy, nữ cũng vậy, đều có thể tu; trí cũng thế, ngu cũng thế, đều là có dịp. Nếu chưa đạt được tâm Phật ý Tổ, thì trước hãy nương vào phép trì giới niệm kinh. Kíp đến khi đạt được trình độ Phật cũng không mà Tổ cũng không thì còn giới nào trì kinh nào niệm? Ở nơi ảo sắc mà cũng như ở nơi chân sắc; an trú trong phàm thân mà cũng là an trú trong pháp thân. Phá Lục tặc làm nên Lục thần thông; rong chơi trên biển bát khổ như trên biển tự tại"*.

Trong bài Phổ Khuyến Phát Bồ Đề Tâm, vua viết: *"Nếu có thể phản chiếu hồi quang thì ai ai cũng có thể Kiến Tính thành Phật. Hơn nữa thân người dễ mất, pháp Phật khó được tương phù, nếu muốn siêu thoát dòng Lục đạo thì chỉ có một đoạn Nhất Thừa là con đường tắt. Phải tìm Chính kiến, đừng tin tà sư; ngộ xong thì mới thật bước vào, hành được thì mới hay thoát tục. Chân bước lên đất đai thực tại, đầu đội dưới khung trời Thái Hư. Khi sử dụng thì vạn cảnh phô bày; khi buông thả thì mây trần không vướng. Vượt đến chốn không liên quan sinh tử; ngộ đến cơ mà quý thần không lường. Hoặc phàm hoặc thánh đều vẫn đi một con đường; dù ghét dù thương đều thờ chung một lỗ mũi."*

Vua Trần Thái Tông là một người có cảm xúc bén nhạy. Vua nhìn sự vật một cách sâu sắc. Lời nói của Trúc Lâm quốc sư về bốn phận của người chịu trách nhiệm giữ dân in dấu vào tâm não vua như một lời phán quyết của định mệnh[5], vua chấp nhận và tuân phục, nhưng vua quyết không chịu đóng vai trò thụ động của thời thế; vua muốn sống cuộc sống của chính mình. Không ai tuyên truyền, nhối sợ vua về đạo Phật. Chính vua tự tìm học Phật theo lời khuyên nhủ của quốc sư Trúc Lâm. Ngôi báu, đối với vua, không còn là một đối tượng thèm khát, ước ao mà chỉ là một gánh nặng không thể gánh. Cho nên Thái Tông đã không ngồi trên ngôi để thưởng thức phú quý quyền hành, đắm chìm trong thanh sắc. Trái lại, vua luôn luôn tự mình thức tỉnh mình, không muốn tự đánh mất trong cuộc sống vô tâm

hưởng thụ. Khi quốc gia cần, vua cũng tự thân chiến đấu can đảm vào sinh ra tử, đi trước ba quân. Nhưng khi gà mới gáy sáng, vua đã giật mình trỗi dậy, không muốn chôn lâu trong giấc ngủ nơi giường êm nệm ấm. Vua đã thành đạt không những trong sự nghiệp nuôi dân, bảo vệ hòa bình, mà còn trong sự nghiệp đạo học và tu đạo nữa. Chính tinh thần cảnh giác và cầu tiến đã giúp vua thành đạt sự nghiệp.

TƯ TƯỚNG THIÊN HỌC

Thái Tông nói trong bài Tọa Thiền Luận: "*Người học đạo cốt mong kiến tính (thấy được bản tính mình)*". Theo vua Tịch là đối tượng của sự tu chứng đạo và là nền tảng của hiện hữu. "*Tính là tâm ta, cái Tâm mà Trúc Lâm quốc sư nói là Phật: 'Phật không ở trong núi; Phật ở trong tâm người. Tâm tĩnh lặng mà phát sinh trí giác đó mới chính là Phật'*." Đó là bản tính cũng là chân tâm. Trong bài tựa sách *Kim Cương Tam Muội Kinh Chú Giải*, vua viết: "*Bản tính huyền ngưng, chân tâm trạm tịch, dứt tuyệt ý niệm về tròn khuyết; nếu không phải do thán trí thì không tìm được đến giếng mỗi của nó; nó không hợp, không tan, không còn, không mất; mắt thấy tai nghe không thể tìm được vang bóng của nó; vì nó không phải hữu cũng không phải vô, không xuất thế cũng không nhập thế, nó ngang nhiên độc tồn, siêu việt, ngoài nó không có gì khác, vì vậy nó được gọi là phát hiện trở lại tự tính siêu việt đó vốn đã bị che lấp bởi vọng niệm.*" Vua viết tiếp: "*Chỉ vì sự tập hợp huân nhiễm lâu đời của chúng sinh mà phát ra sóng gió tri kiến của thần thức, vì chúng sinh buông mình theo con đường ô trọc che lấp cho nên không biết đem ánh sáng tuệ giác để chiếu soi, khiến cho bốn phương thành xứ. Mơ hồ không biết rõ lối về...*" Tu đạo tức là thực hiện sự trở về đó. Thái Tông nhiều lần đề cập đến sự chứng ngộ như một sự trở về, trở về quê hương [6]. Sám hối, tới giai đoạn này, cũng là một phương tiện trở về. Sám hối không còn là một ăn năn hối cải tội lỗi đã làm mà là một quyết định trở về. *Bình Đăng Sám Hối* của Trần Thái Tông được sáng tác trong chủ đích ấy. Ta hãy đọc trong bài tựa của vua viết: "*Pháp tính như như, không vướng một mây may niệm lự: chân nguyên lặng lặng, xưa nay vốn tuyệt dứt sự ô nhiễm của tư duy. Chỉ vì {pháp tính và chân nguyên} bị che lấp cho nên vọng duyên đã phát khởi và huyền thể đã hình thành. Nghiệp thức vì vậy đã che đi cả vàng trí tuệ tròn sáng, gia tài ta tan nát chỉ vì sự hiển bày tham dục của sáu căn. Nếu ta chấp nhận được giáo pháp thanh tịnh thì có thể rửa sạch được mọi tư duy ô nhiễm mà phát tâm nhất chân bình đẳng.*" Tâm nhất chân bình đẳng đây là chân tâm, là Phật tính, là nguyên nguyên của thực thể; đứng về phương diện này chúng sinh và Phật hoàn toàn bình đẳng bởi vì tất cả đều cùng chung tâm nhất chân ấy. Cũng vì vậy cho nên sám pháp gọi là Bình Đăng Sám Hối Vãn. Nhưng sám hối đây là sám hối với ai? Lẽ lạy đây là lể lạy ai khi mà trên mặt thực tế ta với Phật hoàn toàn bình đẳng? Thái Tông viết: "*Lạy là lạy cái thể vô tướng của pháp thân. Lạy được như thế thì cái thể tự thu dụng và tha thu dụng [7] giao tham, đến được bến bờ kia thì mặt mũi xưa nay tự nhiên hiển lộ*" (bài tựa *Bình Đăng Sám Hối Vãn*).

Sự thực hiện kiến tính hay sự trở về này phải tuân theo trình tự tam học tức giới, định và tuệ: đó là Thiền, Giới là khởi điểm thực hiện. "*Giới là uy nghi, Định là bất loạn, Tuệ là giác tri*". Uy nghi ở đây là sự cảnh giác từng giờ từng phút về tư tưởng, lời nói và hành động để duy trì chính niệm hay sự tỉnh táo của tâm hồn. Thái Tông chú trọng đặc biệt đến điểm này. về Định và Tuệ, vua viết: "*Tuệ phát sinh từ Định nếu tâm định thì tuệ sinh, nếu tâm loạn thì tuệ diệt. Nên biết rằng không những Tuệ phát sinh từ Định mà Định cũng phát sinh từ Tuệ nữa: Định và Tuệ nương nhau mà không thể biệt lập với nhau. Nếu bảo tọa thiền tâm chưa đặc định mà đã có thể phát sinh ra tuệ, điều ấy thật chưa có. Chúng sinh đều có sẵn tuệ tính nhưng nếu không tập tọa thiền thì vẫn chưa có thể nói là mình có Tuệ. Nếu không cần tọa thiền mà có tuệ vậy tọa thiền để làm gì?*" (Tuệ Giáo Giám Luận)

THOẠI ĐẦU THIÊN

Thái Tông thao thức thực hiện tuệ giác để tìm ra được một cái gì không sinh không diệt trong dòng đời sinh diệt, bất tịnh, khổ đau, vô thường và vô ngã. Vua đã tham thủ thoại đầu bất hủ của thiền sư Lâm Tế về "con người thực không vị trí" (vô vị chân nhân). Thoại đầu ấy như sau:

Thiền sư một hôm khai thị đại chúng: "Này quý vị trên một đồng thịt đỏ au kia, có một con người thực không vị trí, hay ra vào trước mắt quý vị. Nếu quý vị không biết {con người thực không có vị trí ấy} là ai thì chỉ cần hỏi lão tăng đây." Có một vị tăng bước tới hỏi: "Xin cho biết con người thực không có vị trí ấy là gì?" Thiền sư liền đánh vị tăng ấy và nói: "Con người thực không vị trí là cái cứt khô gì đâu?" (Lâm Tế Lục).

Thái tông rất thao thức muốn tìm cho ra "con người thực" này. Đó chính là tự tính là chân tâm, là thể kim cương bất hoại. Nhưng "con người thực" đó phải tìm ở đâu? Thiền sư Lâm Tế nói rằng nó "nó ở ngay trên đồng thịt đỏ au," "ra vào trước mắt" mọi người. Đồng thịt đỏ au đó, tức là sắc thân con người mà Thái Tông đã cực tả trong những dòng hiện thực sau đây:

"Bộ xương khô cài hoa điểm ngọc, túi da hôi ướp xạ xông lan, cắt lụa; là bọc thân máu mủ, râu trằng hoa đeo túi phân tro... trang điểm bề ngoài, bề trong uế trọc {...}, những mong sống kiếp của thông già, nào biết tứ chi như nhà dột. Hôn phách tạm về lối quý, thì hài còn để cõi người. Tóc lông rụng móng chửa kịp tiêu, đờm giải bọt hơi đà thấy ứa. Rửa nát thì chảy lỏng máu mủ, tanh hôi thì rinh đất rinh trời. Đen đũa mắt chẳng dám nhìn, xanh lè thật đáng sợ. Bất luận nghèo giàu, tất cả đều chết. Để ở trong nhà, ruồi bu bọ nguậy, vút ra ngoài đường thì quạ rĩa chó ăn. Người đời thì bịt mũi mà qua, con hiếu phải lấy nong mà đẩy... thu thập thịt xương, chôn hài cốt. Quan tài phó sao trời đốm ruộng, mồ mả chôn muôn dặm hoang sơn. Ngày xưa tóc mượt má hồng, ngày nay tro xanh xương trắng..."

Sắc thân ấy, thể xác ấy không phải là con người chân thực của ta. Vậy con người chân thực kia, con người không có vị trí kia, nó nằm ở đâu? Làm sao khám phá? Thái Tông đặt ra câu hỏi ấy, đã tham thiền thủ ý ấy. Sau đây là bài kệ ngộ đạo của vua:

*Vô vị chân nhân thịt đỏ au
Hồng hồng trắng trắng khéo lừa nhau
Ai hay mây cuốn trời quang tạnh
Hiện rõ bên trời dáng núi sao [8].*

Con lừa ba cẳng ở đây là gì? Phải chăng là con chim đại bàng giới, định, tuệ mà trí có của con người không thể nào đạt được bằng đường lối khái niệm và tư duy? Con lừa ba cẳng ấy phải chăng chỉ có một mình vua Thái Tông cưỡi được?

Thiền ngữ thứ ba Thái Tông đã bỏ nhiều công phu tham khảo là thiền ngữ "một con đường đi lên duy nhất" (hướng thượng nhất lộ). Sách Phật thường nói đi từ ngọn về gốc là hướng thượng. Đi từ gốc ra ngọn là hướng hạ. Sách *Thích Ma Ha Diễn Luận* nói: "Về phương tiện hiện tượng sinh diệt có hai phương pháp hành đạo: phương pháp hướng thượng và phương pháp hướng hạ. Hai phương pháp ấy quyết trạch được vấn đề sinh tử". Trong sách *Bích Nham Lục*, bài tựa của Phổ Chiếu có câu: "Ông thầy tu áo và hướng thượng, tức là cái mà trong số ngàn vị thánh không vị nào chịu truyền lại". Lời giải thích của Chủng Điện trong *Bích Nham Tập* có dẫn lời của Bàn Sơn như sau: "Một con đường hướng thượng duy nhất, ngàn thánh không truyền: kẻ học giả lao nhọc thân hình như con vượn bắt bóng". Thái Tông chắc chắn đã để nhiều công phu vào đề tài này. Sau đây là đoạn văn vua viết về sự chứng ngộ của vua trong mục đích mời các bạn và môn đệ cùng chiêm nghiệm. Ta hãy đọc để thấy được chút nào sở đắc thiền học của ông vua kỳ lạ ấy.

"Bàn Sơn có lời thùy ngữ sau đây: "Một con đường hướng thượng, ngàn thánh không truyền; học giả vì vậy mà khổ công nhọc mình như con vượn tìm bắt bóng hình của nó" (hướng thượng nhất lộ, thiên thánh bất truyền, học nhân lao hình, như hầu tróc ảnh). Quý vị học giả bốn phương hãy hướng về đầu nẻo ấy mà tham thủ lấy thiên ý kia xem sao. Tôi xin hỏi: các vị làm sao mà "tham thủ" được thiên ý ấy? Nếu có chủ tâm tham thủ và đối tượng tham thủ thì cũng như anh chàng gàn điên kia, trên đầu lại muốn thêm có một cái đầu, sau lưng lại có muốn thêm một cái đuôi, trong mắt lại muốn có thêm con người, trên da thịt lại có thêm nhiều cục bướu. Đề tài ấy, nói tới thì môi miệng cứng cầm, nhìn tới thì đồng tử rơi rụng... Ông già mắt vàng liếc mắt làm ngơ; Hồ tăng mắt xanh dương mi đứng ngó; Mã Tổ vút phất trần; Thủ Sơn giấu cào tre; Triệu Châu xé áo gai; Vân Môn bỏ bánh Hồ; Đức Sơn liệng gậy; Lâm Tế nuốt tiếng hét; Phật Phật Tổ tổ đều tiềm ẩn tung tích, người

người ai nấy đều táng đờm kinh hồn. Đó là một vật dùi sắt đâm vào không được, kim đồng xuyên qua không thủng, ánh sáng nháng ra từ đá lửa mau thế mà không đuổi kịp nó, làn chớp trên trời so với nó cũng còn chậm rì. Chưa thấy được nó thì dù tinh ngộ cũng còn trong làng trầm túy; dù mê man cũng còn dầm trên đường sinh tử; dù đã được phú chúc trên hội Linh Sơn thì cũng vẫn còn ở trong chốn lậu đậu như thường; dù được Thiếu Thất truyền cho thì cũng như còn là trong hang giây quần. Phải có cơ dương tinh nhuệ mau như chớp giật, một tiếng hét cũng khế hợp được căn cơ; phải có ngôn tài thao thao như dòng sông, hễ thoạt đầu đưa ra là giải quyết ngay được. Tham khảo đi tham khảo lại, sâu ngày dài tháng, nếu không dám đi trên con đường đèo trơn trượt thì làm sao thoát được thân phận trong hang sâu núi thẳm? Nay quý vị, hễ đã tới đây thì chớ bỏ qua dịp quý mà không tham cứu. Nhiều kẻ học giả đưa mắt nhìn sườn núi cheo leo, nghĩ rằng khó mà bước tới. Hôm nay vì quý vị tôi không khỏi đánh liều tay rờ râu cọp, chân đi đầu sào chót vót. Khi nói, phải biết rằng như gió thổi tung reo; khi im phải biết rằng như hồ trong trăng chiếu; khi đi, phải biết rằng như nước chảy mây trôi; khi đứng, phải biết rằng như núi yên non vững. Lời nào nói ra cũng đều nằm trong kế hoạch linh hoạt của Thích Ca; câu nào cất lên cũng đều phù hợp với gia phong Sơ Tổ. Buông đi thì tám chữ mở toang, nắm lại thì nhất môn tuyệt đỉnh, hạng ma quỷ sẽ trở thành lâu đài Di Lạc, núi Hắc Sơn sẽ chẳng khác cảnh giới Phổ Hiền: đâu đâu cũng là đại quang minh tạng, căn cơ nào cũng là bất nhị pháp môn. Ngại gì ánh sáng đến khi bóng tối đi, quàn chi lúc mây che thì trăng hết tỏ. Ngọc minh châu nằm lòng bàn tay, xanh thì chiếu xanh, vàng thì chiếu ánh sắc vàng; gương cổ dựng trên đài: Hồ thì hiện Hồ, Hán thì hiện Hán. Đâu cần nhìn đến huyền thể, vì đâu đâu cũng là pháp thân, khỏi nhọc đỉnh đầu phóng quang, vốn sẵn đã có trong sáu thần thông diệu dụng. Cung điện ma vương đảo lộn, tâm can ngoại đạo lật bầy; biển trái đất làm vàng ròng cho quốc gia, dải nhân thiên lấy sông dài làm sữa ngọt; chuyển pháp luân thường trực trong lỗ mũi, hóa bảo tháp hiện thực dưới lòng mi. Trên sóng nước, thiêu nữ bằng đá múa khúc Bà Sa, trong mây bạc, người gõ nhạc công thổi sáo ca bài ca lưu khách. Khi gặp vũ trường liền diễn xuất, lúc thấy chỗ tốt thì nghỉ ngơi; hoặc đưa tay tìm dất, hoặc quay về sơn dã, khi biếng nhác thì theo {chân đám} mây ngủ {trên tảng} đá, lúc hứng chí thì vịnh nguyệt triều phong; ưu du nơi tứ tú trà phương, tiểu ngoạn là đường hoa liễu bá.[9]

Hoa vàng rở rở, không đâu là tâm bát nhã, tre tím xanh xanh, không đâu là không lý chân như. Nhỏ có đại hiện bản lai diện mục, con đường mòn cắt đứt nẻo tử sinh. Hồi đầu cưỡi ngựa sắt mà về, xỏ mũi trâu bùn đi bước một. Không lấy một pháp trong vạn pháp làm bạn thì đâu còn sở đắc nào? Phật cũng không, tâm cũng không, chân cũng đúng mà giả cũng đúng. Ngoài cửa tam yếu dù hét "nhị" cũng là "tam". Đâu đường thập tự có hô "cửu" vẫn là "thập", lấy sáo không lỗ tấu khúc vô sinh. Dùng đàn không giây gảy bài khoái hoạt. Ai ai mà không phải tri âm, đâu đâu lại chẳng là bè bạn? Một con đường hướng thượng ấy, làm sao ta hiểu được? Hãy nghe kỹ nghe kỹ. Ai nghe lọt được thiên ngữ ấy thì tai sẽ bị ba ngày điếc đặc [10]. Nếu chẳng nghe lọt, há lại bỏ đi hay sao? Bởi vì nơi nào cũng có những cây dương xanh có thể buộc ngựa, nhà nào cũng có con đường dẫn về kinh đô. Đường về dưới nguyệt ít ai đến, một ánh trăng khuya lạnh khắp miền..."

ẢNH HƯỞNG THIÊN PHÁI LÂM TẾ

Thoạt đầu "vô vị chân nhân" mà Trần Thái Tông tham khảo là một thoạt đầu nổi tiếng của phái Lâm Tế. Những ý niệm như "tam huyền," "tam yếu" mà vua thường nói cũng xuất phát từ tư tưởng Lâm Tế. Chắc hẳn ngoài sự nghiên tầm điển tịch và đọc các bộ Lục như *Lâm Tế Lục* và *Cát Đẳng Tập*, vua đã có học hỏi ít nhiều về thiên học Lâm Tế ở thiền sư Thiên Phong vốn từ Trung Hoa sang.

Thiền sư Lâm Tế hiệu là Nghĩa Huyền, người tỉnh Hà Nam, hồi trẻ tham học với thiền sư Hoàng Bích, và được Hoàng Bích truyền tâm pháp. Tư tưởng thiền của Lâm Tế cũng giống như tư tưởng Hoàng Bích: nhấn mạnh đến nguyên lý chúng sinh với Phật không khác. Nhưng Lâm Tế có nhiều biện pháp giáo hóa rất đặc biệt: hồi thiền sư về Trấn Châu Tiểu Viện hành đạo (sau này đổi là Lâm Tế Thiền Viện) ông xướng xuất các biện pháp tam cú, tam huyền, tam yếu, tứ chiếu dụng và tứ tâm chủ. Đặc biệt nhất là sự thi hành phép bồng

yết (gậy đánh và tiếng hét). Gậy và tiếng hét là những phương tiện đánh thức giác ngộ. Lâm Tế có một nhân cách thật ngang tàng có thể sánh với Bồ Đề Đạt Ma: *Lâm Tế Lục* sôi bỏng một sức sống rào rạt hùng liệt, không phải như *Bích Nham Tập* của Tuyết Đậu và Viên Ngộ, tuy diễm tuyệt nhưng dằm thắm.

BỐN MƯƠI BA BÀI TỤNG CỔ

Trong những năm Thánh Tông đã nắm hoàn toàn trong tay việc trị nước thì Trần Thái Tông để hết thì giờ vào công phu thiền tập. Vua đã hướng dẫn nhiều người trong việc thực hành thiền đạo, kể cả nhiều vị tăng sĩ. Mục *Ngữ Lục Vấn Đáp Môn Hạ* trong sách *Khóa Hư* có ghi lại một câu thiền ngữ của vua trả lời các câu hỏi của Đức Thành, một vị du tăng nhà Tống, và những vị tăng khác. Ví dụ một vị tăng hỏi: "Chưa thoát ly chưa xuất thế thì còn mong được chỉ dẫn, nhưng đã thoát ly đã xuất thế rồi thì sao?" Vua đáp:

Mây sinh đỉnh Nhạc toàn màu trắng

Nước đến Tiêu Tương một sắc xanh.

Một vị tăng khác hỏi: "Cổ kim không có nhiều đường khác nhau, kẻ đạt ngộ đều đi chung một lối mà về. Nhưng bệ hạ có nghĩ rằng tìm ra được đạo chỉ có một mình đức Thế Tôn mà thôi không?" Vua đáp:

Mưa xuân tuy không phân biệt cao thấp

Nhưng cành xuân có cành thấp cành cao.

Để giúp các thiền lữ quen biết trong việc tham thủ các công án, vua Thái Tông đã trích cử một số thoại đầu (đề án) làm lời niêm (nhận xét) và kệ tụng (kệ hướng dẫn). *Khóa Hư Lục* còn ghi lại 43 công án được Trần Thái Tông chọn lựa. Cho lời nhận xét và bài kệ hướng dẫn. Niêm Tụng Kệ là tác phẩm được sáng tác vào những năm hành đạo lớn tuổi nhất của vua, lúc ấy đã gần 60. Ta hãy đọc thử 3 trong số 43 công án trong Niêm Tụng Kệ, các công án thứ 15, 16 và 17.

Công Án Thứ Mười Lăm:

Cử: Nam Tuyên nói: tâm không phải Phật, trí không phải đạo.

Niêm: Hô hấp tất cả lý lẽ huyền vi, trên đường về bước dưới ánh trăng.

Tụng: Vạn tiếng âm thầm tinh tú chuyển

Thái hư trầm lặng không vết gì

Nương gậy lên lầu trông bốn phía

Tịch tịch liêu liêu nào ngại chi?

Công Án Thứ Mười Sáu:

Cử: Lâm Tế sau khi xuất thế chỉ dùng có phép bồng yết (gậy và hét) để khai thị đồ chúng. Hễ thấy một vị tăng vào cửa là hét.

Niêm: Giữa trưa mỏng một tháng Năm, bao nhiêu độc địa trong lưỡi miệng đều tan biển.

Tụng: Vừa tới cửa ngoài nghe tiếng hét

Tỉnh giấc hôn trầm lũ cháu con

Một tiếng sấm xuân vừa chấn động

Khắp nơi cây cối nảy mầm non.

Công Án Thứ Mười Bảy:

Cử: Nam Tuyên nói: tâm hàng ngày là đạo

Niêm: Lạnh thì nói lạnh, nóng thì nói nóng

Tụng: Ngọc trắng nguyên lai không dấu vết

Cứ gì mài dũa mới thành xinh

Quê cũ không đo lường lối ấy

Núi dốc buông tay phó mạng mình.

Lối làm kệ tụng cho các cổ tắc hay thoại đầu này, xưa đã được thiền sư Tuyết Đậu thực hiện.

Tuyết Đậu là một thi sĩ có tài năng. Ảnh hưởng Tuyết Đậu đã được đưa xuống từ truyền thống Thảo Đường qua các truyền thống Vô Ngôn Thông và Yên Tử, hay đã đến trực tiếp bằng tác phẩm *Bích Nham Lục* và *Tuyết Đậu Ngữ Lục*? Có lẽ bằng cả hai đường. Ta chỉ biết Thái Tông có một tâm hồn giàu có chất nghệ sĩ. Một ngày nọ sau công việc triều chính bề bộn, vua tìm lên thiền am Thanh Phong của thiền sư Đức Sơn, và ở lại suốt đêm ở đây. Ngủ thì uổng quá, trong khi ngoài sân ánh trăng rạng rỡ, cây cỏ còn thức, rì rào trong gió nhẹ. Cả thiền sư cả vua đều đứng chơi trước sân chùa cho tới khuya. Sau đây là bài thơ vu làm khuya hôm ấy:

*Gió thổi sơn tùng nguyệt chiếu hiên
Nhiệm màu tâm cảnh đượm hương thiền
Thú vui tĩnh mặc nào ai biết
Cùng với thiền tăng thức trắng đêm [11].*

Chú thích:

[1] (45) Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép là năm Đinh Dậu (1237). Đây chép theo bài tựa sách *Thiền Tông Chỉ Nam* do chính tay Trần Thái Tông viết

[2] (46) Thái Tổ: Trần Thừa, cha của Thái Tông, khi Thái Tông lên ngôi ông ta được phong Thượng Hoàng.

[3] (47) Tỳ trước chư hương thiết tham vị

Nhãn mạnh chúng sắc nhĩ văn chương

Vĩnh vi lãng đặng phong trần khách

Nhật viễn gia hương vạn lý trình

[4] (48) Bãi đặng cuồng phong quát địa sinh

Ngư ông lúy túy điều chu hoành

Tứ thì vân hợp âm mài sắc

Nhất phái ba thiên cổ động thanh

Vũ cước trận thôi phiêu lịch lịch

Lôi xa luân chuyển nô oanh oanh

Tam thời, trần liễm: thiên binh tĩnh

Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh

[5] (49) “Đã làm vua thì không còn có thể theo ý thích của riêng mình được nữa, mà phải lấy ý thích của dân làm ý thích của mình, lấy lòng dân làm lòng mình”.

[6] (50) “Nhật viễn gia hương vạn lý trình”: (ngày hết quê xa vạn dặm đường) (Tứ Sơn) hay “Hoàng hà cứu khúc vị quân cử, một thiệp đồ trình tự đảo gia” (chín khúc sông Hằng khai tuệ nhãn, đường xa không bước vẫn về nhà (Niêm Tụng Kê)

[7] (51) Thụ dụng thân là báo thân (Sambhogakaya) một trong tam thân của Phật sử dụng vào sự lợi ích tu chứng của kẻ khác.

[8] (52) Vô vị chân nhân xích nhục đoàn

Hồng hồng bạch mạc tương quan

Thùy tri vân quyên trường không tĩnh

Thúy lộ thiên biên nhất dạng sơn

(Phổ Khuyết Sắc Thân)

[9] (53) Tứ sơ tiểu bích vạn thanh tùng

Liểu ngộ đô vô vạn vật không

Hỷ đắc lư nhi gtam cước tại

Mạch ký đã sẵn thượng phong cao

[10] (54) Bách Trượng thiền sư nghe một tiếng hét của Mã Tổ thiền sư, điếc đặc ba ngày.

[11] (55) *Phong đã từng quan, nguyệt chiếu đình*

Tâm kỳ phong cảnh cộng thể thanh

Cá trung tư vị vô nhân thức

Phó dữ sơn tăng thưởng đáo minh